

Bản án số: 102/2021/HS-PT
Ngày: 01-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁNNHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười
Ông Nguyễn Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị TH Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 654/2020/TLPT- HS ngày 02 tháng 11 năm 2020. Do có kháng cáo của bà Trương Thị Nổi với Bản án hình sự sơ thẩm số: 410/2020/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo:

1. Bị cáo: Đỗ Văn H; giới tính: nam; sinh ngày 16 tháng 9 năm 1985 tại tỉnh TH Hóa; thường trú: số 159 đường 12, khu phố 4, phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: môi giới bất động sản; con ông: Đỗ Văn K và bà: Lê Thị S; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 2013); tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt, tạm giam ngày: 21/11/2019. (Có mặt)

2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị N, sinh năm: 1970. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H Tiến, xã Hoàng Yến, huyện Hoàng Hóa, tỉnh TH Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

■ **Diễn biến sự việc:**

Ông M là họ hàng và có cùng quê (tỉnh TH Hóa) với bị cáo Đỗ Văn H. Từ đầu năm 2017, thông qua mạng xã hội, ông M biết được bị cáo H hiện sống tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau nhiều lần gặp gỡ, trò chuyện, bị cáo H nói với ông M bản thân là giảng viên trường cao đẳng, có quen biết nhiều quan chức lãnh đạo, đặc biệt là trong ngành công an, có việc gì cần thì bị cáo sẽ giúp được.

Khoảng đầu tháng 7/2017, ông M nói với bị cáo Đỗ Văn H việc em trai của ông là ông Trương Văn L (sinh năm 1995) đang là chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại tỉnh TH Hóa, muốn được tuyển dụng vào biên chế ngành Công an sau khi xuất ngũ (vào tháng 02/2018). Bị cáo nói lo được và yêu cầu ông M chuẩn bị hồ sơ cùng số tiền 300.000.000 đồng. Nghe vậy, ông M đã liên lạc và báo cho ông Trương Văn H (cha ruột ông M và ông L) biết để chuyển tiền nhờ H liên hệ xin ở lại biên chế ngành Công an cho ông L. Khoảng giữa tháng 7/2017 (các bên không nhớ ngày), ông M đã đưa cho bị cáo số tiền 300.000.000 đồng tại quán ăn (không nhớ tên) trên đường Einstein, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức. Khi nhận tiền, bị cáo đã viết giấy mượn số tiền 300.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Hoa T (vợ ông M) để lo công việc, không tính lãi suất.

Cũng trong thời gian này, bà Trương Thị N (em ruột ông H) có con trai là ông Trương Vũ S (sinh năm 1995) là chiến sĩ nghĩa vụ Công an cùng với ông L, cũng muốn được tuyển dụng biên chế ở lại ngành Công an. Thông qua ông H, bà N biết việc ông M đang lo xin cho ông L ở lại biên chế ngành Công an nên đã liên hệ và được ông M cho biết đã nhờ người em họ bên ngoại tên là H lo giúp việc ở lại biên chế cho ông L, ông M sẽ nói H lo giúp cho ông S luôn. Sau đó, ông M liên hệ với bị cáo H về trường hợp của ông S thì bị cáo đồng ý với giá 300.000.000 đồng để lo ở lại biên chế ngành Công an cho ông S. Ngày 31/7/2017, sau khi nhận tiền từ bà N chuyển vào tài khoản của bà T tại ngân hàng, ông M đã chuyển 300.000.000 đồng vào tài khoản tại Ngân hàng Đông Á của Đỗ Văn H để H lo ở lại biên chế ngành Công an cho ông S nhưng với nội dung “Nộp tiền mặt vào TK-TRUONG VAN M CT”.

Đến tháng 9/2017 (các bên không nhớ ngày), ông M tiếp tục nhờ bị cáo H lo việc làm cho bà T. Bị cáo H đồng ý nhận với giá 50.000.000 đồng và hứa trong vòng 02 tháng sẽ lo cho bà T vào làm việc tại Đài Truyền hình tỉnh Đồng Nai. Bị cáo và ông M hẹn gặp nhau tại ngã tư Bình Thái, Quận 9 để giao nhận số tiền 50.000.000 đồng.

Sau khi đưa tiền cho Đỗ Văn H, qua thời gian lâu nhưng không thấy có kết quả nên ông M đã gặp bị cáo H và yêu cầu bị cáo viết “Giấy mượn tiền” đề ngày 21/7/2017 với nội dung: Bị cáo mượn của bà Nguyễn Thị Hoa T số tiền 650.000.000 đồng để giải quyết công việc riêng, không lãi suất nhằm hợp thức hóa việc bị cáo đã nhận 650.000.000 đồng để lo việc làm và vào biên chế Công an nêu trên và hủy giấy vay số tiền 300.000.000 đồng trước đây bị cáo đã viết đưa cho ông M.

Đến tháng 02/2018, ông L và ông S có quyết định xuất ngũ về địa phương, bà T cũng không xin được việc làm. Ông M gọi điện thoại và nhiều lần tìm gặp bị cáo Đỗ Văn H để đòi lại tiền nhưng bị cáo không trả và nói đã đưa tiền cho ông Cao Xuân Nh (thượng tá Công an) để lo việc cho ông L và ông S. Biết bị lừa, vợ chồng ông M đã viết đơn trình báo, tố cáo bị cáo H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng chỉ có bà H ký dưới đơn và giao nộp “Giấy mượn tiền” đề ngày 21/7/2017. Sau đó, do vợ chồng ông M bà T ly hôn nên bà T đã có Giấy ủy quyền cho ông M để tham gia giải quyết vụ việc theo quy định. Đồng thời, thông qua ông Trần Đình L (người quen của cả ông M và bị cáo), ông M nhờ ông L gặp để nói rõ sự việc với bị cáo (có ghi âm lại). Ông M đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 thẻ nhớ bên trong có 03 tập tin ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo và ông L về nội dung liên quan đến việc bị cáo nhận số tiền 650.000.000 đồng của ông M để lo biên chế ở lại ngành Công an cho ông L, ông S và lo việc làm cho bà T.

■ Lời khai tại Cơ quan điều tra:

- Ông M xác định việc đưa số tiền 650.000.000 đồng cho bị cáo Đỗ Văn H là để lo việc làm cho vợ, lo ở lại biên chế ngành Công an cho ông L, ông S nhưng viết thành giấy mượn tiền để giải quyết công việc nhằm không ảnh hưởng đến công việc của ông M và bị cáo. Số tiền 650.000.000 đồng ông M đưa là theo yêu cầu của bị cáo để đi ngoại giao, nhờ vả, tiền công, tiền xe; còn việc bị cáo có quen ai và lo công việc như thế nào thì ông M không biết và không có mục đích gì khác.

- Bị cáo Đỗ Văn H khai nhận nội dung như trên, đồng thời xác định: Quá trình gặp gỡ vợ chồng ông M, bị cáo tự giới thiệu mình là giảng viên dạy môn Chính trị tại Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (nhưng thực chất bị cáo đã bị chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 01/12/2013). Vào thời điểm năm 2017, do không có việc làm ổn định, không có tiền tiêu xài cá nhân, mặc dù bản thân không có khả năng và không quen biết ai có thể xin được cho ông L, ông S ở lại biên chế ngành Công an cũng như lo việc cho bà T vào làm tại Đài Truyền hình tỉnh Đồng Nai nhưng bị cáo đã nói với ông M là có quen biết nhiều người, quen một số trường hợp lo được để ông M đưa tiền. Tuy nhiên, sau đó, bị cáo không trả lại cho ông M số tiền đã nhận mà tiêu xài cá nhân:

+ Sau khi nhận lời ông M lo cho ông L ở lại biên chế ngành Công an, Đỗ Văn H đã gặp người bạn cùng làm môi giới bất động sản tên H (không biết lai lịch, địa chỉ cụ thể). Đối tượng H nói có quen biết ông Cao Xuân Nh là tH tướng Công an có thể lo được việc ở lại biên chế ngành công an sau khi hết thời gian đi nghĩa vụ nên bị cáo đã nhờ H nói ông Nh giúp. Được H báo việc lo ở lại biên chế ngành Công an mỗi trường hợp là 300.000.000 đồng, bị cáo đã ra giá, nhận của ông M tổng số tiền 600.000.000 đồng để lo cho ông L và ông S. Bị cáo cũng từng điện thoại và gặp ông Nh nhưng không có bản bạc hay đưa tiền để nhờ ông Nh lo việc ở lại biên chế ngành Công an cho ông L, ông S. Giấy mượn tiền đề ngày 21/7/2017 với nội dung mượn tiền thực chất là tiền được gộp từ 03 lần nhận tiền. Việc bị cáo nói với ông M đã đưa tiền cho ông Nh lo cho ông L, ông S là do bị cáo tự bịa ra khi bị ông M đòi tiền.

Tiếp đến, bị cáo Đỗ Văn H tìm gặp ông Phạm Thái Th (người quen của bị cáo, quen biết khi đi xin việc làm ở trường Cao đẳng Lê Quý Đôn, tỉnh Đồng Nai) để nhờ xin cho ông L và ông S ở lại biên chế ngành Công an và đã đưa cho ông Th 220.000.000 đồng. Ông Th ra giá xin việc làm cho bà T vào Đài Truyền hình tỉnh Đồng Nai là 50.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo đã đưa cho ông Th 270.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ, tài liệu chứng minh. Ông Th không lo được việc ở lại biên chế ngành Công an cho ông S, ông L cũng như không lo được việc làm cho bà T. Bị cáo đã gặp và đòi lại tiền nhưng ông Th không trả. Số tiền còn lại, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

- Ông Phạm Thái Th khai nhận có mối quan hệ anh em bạn bè với bị cáo Đỗ Văn H. Khoảng năm 2016, 2017, do có công việc gia đình nên ông Th đã nhiều lần vay mượn của bị cáo tổng số tiền 200.000.000 đồng (không nhớ cụ thể) nhưng sau đó đã trả cho bị cáo hết. Mỗi lần mượn tiền, ông Th đều ký vào giấy mượn tiền do bị cáo đưa nhưng khi trả tiền cho bị cáo, ông Th không viết giấy trả tiền và không lấy lại giấy mượn tiền trước đây đã ký đưa cho bị cáo. Ông Th không thỏa thuận, bản bạc, hứa hẹn hay nhận tiền của H để lo ở lại biên chế ngành Công an cho ông L, ông S cũng như xin việc làm cho bà T như H đã khai. Kết quả đối chất, hai bên giữ nguyên lời khai của mình.

- Ông Cao Xuân Nh (công tác tại bộ Công an, đã về hưu từ năm 2012 với cấp hàm đại tá) xác định khoảng năm 2017, ông Nh quen biết bị cáo Đỗ Văn H qua việc bị cáo làm

môi giới bất động sản. Ông có nghe bị cáo nói là dạy môn Triết học ở Trường Cảnh sát, đã nhiều lần gặp bị cáo và có 01 lần đi căn cơm cùng bị cáo với những người bạn của mình. Ông Nh không bàn bạc, hứa hẹn gì với bị cáo trong việc lo biên chế ở lại ngành Công an cho ông L, ông S và chưa bao giờ nhận tiền gì của bị cáo; ông cũng không quen biết ai tên là H đồng thời nhận dạng được bị cáo qua hình ảnh.

- Ông Trương Văn H và bà Trương Thị N khai nhận không biết việc bị cáo lo ở lại biên chế cho ông L và ông S như thế nào, bản thân chỉ nhận thức việc đưa số tiền trên cho bị cáo là chi phí tiền công, tiền xe đi lại, quà cáp khi bị cáo đi lo công việc ở lại biên chế ngành Công an cho ông S, ông L chứ không nhằm mục đích để đưa tiền cho bị cáo đưa hối lộ.

Trong số tiền 300.000.000 đồng gửi cho ông M để đưa cho bị cáo Đỗ Văn H, ông H đã vay của Hợp tác xã tín dụng Hoàng Đạt 170.000.000 đồng và vay mượn của người trong gia đình là 130.000.000 đồng. Ông H đã trả lại 40.000.000 đồng tiền gốc và trả tổng tiền lãi vay trong 34 tháng khoảng 51.000.000 đồng cho Hợp tác xã.

Còn số tiền 300.000.000 đồng gửi cho ông M để đưa cho bị cáo Đỗ Văn H, bà Trương Thị N vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 100.000.000 đồng, vay của Ngân hàng Chính sách xã hội 50.000.000 đồng, số tiền còn lại vay của họ hàng và tiền gia đình. Bà N còn nợ tiền gốc vay Ngân hàng là 150.000.000 đồng và đã trả lãi vay trong 34 tháng được khoảng 47.600.000 đồng cho Ngân hàng.

■ Văn bản giám định của cơ quan chuyên môn:

Tại Kết luận giám định số 1010/KLGD-TT ngày 05/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 173) thể hiện:

1. Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (01 “Giấy mượn tiền” đề tên người mượn: Đỗ Văn H, đề ngày 21/7/2017) so với chữ viết đứng tên “Đỗ Văn H” trên 04 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 (01 “Lý lịch cá nhân”, 01 “Bản tự khai”, 02 “Biên bản ghi lời khai” đề tên Đỗ Văn H) do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết họ tên “Đỗ Văn H” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên “Đỗ Văn H” trên 04 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra.

Tại Kết luận giám định số 694/KLGD-TT ngày 06/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 86) thể hiện:

1. Đối tượng giám định ký hiệu A1 (“2016-01-01-08-31-16.wma”): Đã chuyển đổi nội dung tập tin âm thanh cần giám định ký hiệu A1 sang dạng văn bản (có phụ lục kèm theo).

2. Đối tượng giám định ký hiệu A2 (“2016-01-01-11-22-14.wma”): Đã chuyển đổi nội dung tập tin âm thanh cần giám định ký hiệu A2 sang dạng văn bản (có phụ lục kèm theo).

3. Đối tượng giám định ký hiệu A3 (“2016-01-02-09-53-08.wma”): Đã chuyển đổi nội dung tập tin âm thanh cần giám định ký hiệu A3 sang dạng văn bản (có phụ lục kèm theo).

Kèm theo Kết luận giám định là phụ lục nội dung các tập tin âm thanh trên (BL 87-103).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số:410/2020/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn H phạm “Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt: Đỗ Văn H: 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2019.

Buộc ông M nộp lại số tiền 123.000.000 (một trăm hai mươi ba triệu) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Đỗ Văn H nộp lại số tiền 527.000.000 (năm trăm hai mươi bảy triệu) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Không chấp nhận yêu cầu buộc bị cáo bồi thường số tiền lãi ngân hàng 98.600.000 đồng của ông M.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/9/2020 bị cáo Đỗ Văn H có đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 01/12/2020 bị cáo Đỗ Văn H rút đơn kháng cáo .

Ngày 12 tháng 10 năm 2020, bà Trương Thị N có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tố tụng cho bà vì bà cho rằng Đỗ Văn H đã nhận của bà 300.000.000 đồng sau đó không trả lại là xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bà, do đó cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của bà là người có quyền và nghĩa vụ liên quan là không chính xác, cần xác định bà là người bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà N có đơn xin hoãn phiên tòa phúc thẩm lần 2.

Bị cáo Đỗ Văn H xác định giữ nguyên ý kiến xin rút kháng cáo như đơn xin rút kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Đối với việc rút kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn H, do đây là sự tự nguyện của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm, giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo của bà Trương Thị N: xét thấy, bị cáo chỉ có hành vi lừa đảo đối với anh M, không hề có quan hệ trực tiếp với bà N, bà N thông qua anh M để giao tiền cho bị cáo, do đó cấp sơ thẩm xác định bà N là người có quyền và nghĩa vụ liên quan là có cơ sở, đề nghị bác kháng cáo của bà N, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Trương Thị N đã được tổng đạt Giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2, sau đó bà N có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do đang điều trị bệnh, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy Xác nhận nằm viện của bà N không hợp lệ, chỉ là bản photocopy, bà N không có mặt tại phiên tòa, không chứng minh được lý do chính đáng, do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, Khoản 1, Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 xét xử vắng mặt bà N.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo:

[2.1]. Đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn H: do bị cáo Đỗ Văn H đã có đơn xin rút đơn kháng cáo vào ngày 01/12/2020; tại phiên tòa, bị cáo xác nhận nội dung xin rút kháng cáo, xét thấy việc rút đơn kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng Hình sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

[2.2]. Đối với kháng cáo của bà Trương Thị N với nội dung bà cho rằng bà là người bị bị cáo H lừa đảo và bị cáo là người nhận tiền của bà nhưng không trả lại do đó cần xác

định lại tư cách tham gia tố tụng của bà trong vụ án này là người bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy: trong vụ án này bị cáo H trực tiếp giao dịch với ông M và hứa sẽ lo được cho ông Trương Văn L và ông Trương Vũ S (Con trai của bà N) vào biên chế ngành công an do đó ông M về nói với bà N giao tiền cho ông để ông đưa tiền cho bị cáo H lo việc này nhưng bị cáo đã không thực hiện. Như vậy bà N đã không trực tiếp giao dịch với bị cáo H do đó cấp sơ thẩm xác định bà N là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là chính xác, kháng cáo của bà N không được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà N phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn H.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 410/2020/HS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bà Trương Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười Nguyễn Đắc Minh

Dương Tuấn Vinh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- TTG Công an TP.HCM, bị cáo;
- Lưu: HS; VP; (HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tuấn Vinh